

Daiwa Securities Group Inc.

Số/ Ref. 2018/05-001

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Tokyo, ngày 21 tháng 5 năm 2018

Tokyo, day 21 month 5 year 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA
CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES OF INTERNAL
PERSON OF PUBLIC COMPANY, INTERNAL PERSON OF PUBLIC FUND AND RELATED PERSONS
OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

To: - The State Securities Commission
- Ho Chi Minh Stock Exchange
- Saigon Securities Inc. (SSI)

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ Information on individual/ organization:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ Name of individual/organization: DAIWA SECURITIES GROUP INC.

- Quốc tịch/ Nationality: Nhật Bản / Japanese

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue: 0199-01-008855 cấp ngày/issued date: 27/12/1943; nơi cấp/place of issue: Cục Pháp lý Tokyo/ Tokyo Legal Affairs Bureau.

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ Address: GranTokyo North Tower, 9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-6751, Japan

- Điện thoại/ Telephone: +81-3-5555-1111 Fax:+81-3-5555-0656 Email:
Website: <http://www.daiwa-grp.jp>

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/ Position in the public company, the fund management company at registration date (if any):..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:(nếu rõ lý do) */ and date on which is no longer internal person or related person of internal person of the public company, the fund management company:

*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ This item is only for cases not yet registration deadline of transaction, the registrant is no longer the internal person or related person of internal person of the public company, the fund management company.

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ Information about internal person of the public company/public fund is related person of trading individual/organization (in case trader is related person

of internal person of the public company/public fund):

- Họ và tên người nội bộ/ Name of internal person: Mr. Hironori Oka
- Quốc tịch/ Nationality: Nhật Bản/ Japanese
- Hộ chiếu/ Passport No.:
- Địa chỉ thường trú/ Residence address:

- Điện thoại liên hệ/ Tel:

Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày ca nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/ Position in the public company, the fund management company at date on which individual / organization referred to in paragraph 1 to register the transaction: .

- Thành viên Hội đồng Quản trị/ Member of the Board of Directors of SSI

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ Current position in the public company, the fund management company:

- Thành viên Hội đồng Quản trị/ Member of the Board of Directors of SSI

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:

Ông Hironori Oka hiện giữ các chức vụ sau tại Daiwa Securities Group Inc./ Mr Hironori Oka currently holds the following positions at Daiwa Securities Group Inc.:

- Giám đốc điều hành, Phụ trách khu vực Châu Á và Châu Đại Dương, Daiwa Securities Group Inc. / Executive Managing Director, Head of Asia and Oceania, Daiwa Securities Group Inc.
- Chủ tịch Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited./ Chairman, Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited.

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any): 0 cp, tỷ lệ 0%/ 0 share, rate 0%

3. Mã chứng khoán giao dịch/ Securities code: SSI

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:

tại công ty chứng khoán/ In securities company:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before transaction: **98.303.121 cổ phiếu, tỷ lệ 19,66%/ 98,303,121 shares, ratio 19.66%**

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ Number of shares/fund certificates registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred. **Đăng ký mua 11.910.915 cổ phiếu, tỷ lệ 2,38%/ Registered to buy 11,910,915 shares, ratio 2.38%**

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã giao dịch (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi) **/ Number of shares/fund certificates traded (purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred/swap): **Đã mua 3.680.000 cổ phiếu, tỷ lệ 0,74%/ Purchased 3,680,000 shares, ratio 0.74%**

**Lý do không thực hiện hết khối lượng đăng ký mua: Mức giá không phù hợp.

**Reason for failing to execute the full registered number: The price is not suitable.

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership

proportion of shares/fund certificates held after executing transaction: 101.983.121 cổ phiếu, tỷ lệ 20,39% / 101,983,121 shares, ratio 20.39%

9. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction*: Khớp lệnh/ Order-matching

10. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Transaction period*: từ ngày/from 19/04/2018 đến ngày/to 18/05/2018